

THÔNG BÁO
Tuyển dụng viên chức năm 2023

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Kế hoạch số 3299/KH-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về tuyển dụng viên chức năm 2023.

Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ thông báo tuyển dụng viên chức năm 2023 như sau:

I. SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC CẦN TUYỂN VÀ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN CỦA TỪNG VỊ TRÍ TUYỂN DỤNG

- Tổng số lượng người làm việc cần tuyển tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân huyện là **120 người**.

- Chi tiết số lượng người làm việc cần tuyển và tiêu chuẩn, điều kiện của từng vị trí tuyển dụng theo Phụ lục 1 đính kèm.

II. TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Điều kiện đăng ký dự tuyển

1.1. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức

- Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- Từ đủ 18 tuổi trở lên;
- Có Phiếu đăng ký dự tuyển;
- Có lý lịch rõ ràng;
- Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ, kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm;
- Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ;
- Đáp ứng các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí việc làm do đơn vị sự nghiệp công lập xác định nhưng không được trái với quy định của pháp luật.

1.2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng.

2. Đối tượng và điểm ưu tiên trong tuyển dụng viên chức

- Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

- Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

- Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

***Lưu ý:** Trường hợp người dự xét tuyển thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm vòng 2.

III. TIẾP NHẬN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

Người đăng ký dự tuyển viên chức nộp 01 bộ hồ sơ gồm:

- Phiếu đăng ký dự tuyển (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và được đính kèm theo Thông báo này);
- Hai ảnh cỡ 4x6 cm, kiểu ảnh chứng minh nhân dân, ghi đủ họ tên và ngày tháng năm sinh phía sau ảnh (thời gian chụp không quá 06 tháng);

- Bản sao các hồ sơ minh chứng đối với các trường hợp thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức.

*** Lưu ý:**

- Chỉ tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển của thí sinh đã được cấp bằng tốt nghiệp chuyên môn, nghiệp vụ.

- Mỗi thí sinh chỉ được đăng ký dự tuyển ở 01 vị trí tuyển dụng. Người đăng ký dự tuyển viên chức phải khai đầy đủ các nội dung yêu cầu trong Phiếu đăng ký dự tuyển tính đến thời điểm nộp phiếu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai trong Phiếu đăng ký dự tuyển. Nếu người trúng tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức phát hiện người trúng tuyển sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì sẽ bị hủy kết quả trúng tuyển.

2. Thời gian nhận hồ sơ

Từ ngày 01 tháng 6 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 (trong giờ hành chính, trừ thứ Bảy và Chủ nhật).

3. Địa điểm nhận hồ sơ

Người đăng ký dự tuyển viên chức nộp trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, địa chỉ: đường Lương Văn Nho, khu phố Giồng Ao, thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Số điện thoại liên hệ

- Thí sinh đăng ký dự tuyển vào vị trí thuộc các trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường chuyên biệt và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện liên hệ qua số điện thoại: 0394.326.023.

- Thí sinh đăng ký dự tuyển vào vị trí thuộc các vị trí còn lại: 0378.685.944.

IV. HÌNH THỨC, NỘI DUNG, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TUYỂN DỤNG

1. Hình thức tuyển dụng: Tuyển dụng thông qua **xét tuyển**.

2. Nội dung xét tuyển

Xét tuyển viên chức được thực hiện theo 02 vòng như sau:

- Vòng 1: Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

- Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành

+ Hình thức xét tuyển: Phỏng vấn.

+ Nội dung: Kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

+ Thời gian xét tuyển: 30 phút (trước khi phỏng vấn, thí sinh có không quá 15 phút chuẩn bị).

+ Thang điểm: 100 điểm.

+ Không thực hiện phúc khảo đối với kết quả thi phỏng vấn.

3. Thời gian, địa điểm tổ chức xét tuyển

- Thời gian xét tuyển: tháng 7 đến tháng 8 năm 2023 (thời gian cụ thể theo thông báo của Hội đồng tuyển dụng viên chức).

- Địa điểm xét tuyển: Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, địa chỉ: đường Lương Văn Nho, khu phố Giồng Ao, thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

V. XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN

1. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả điểm tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;

- Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại khoản 2, Mục 3 của Kế hoạch này (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm tại vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người có kết quả điểm tại vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định người trúng tuyển.

3. Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

VI. LỆ PHÍ DỰ TUYỂN

Lệ phí dự tuyển sẽ được thông báo tại thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự xét tuyển ở vòng 2, cụ thể mức thu theo quy định như sau:

SỐ TT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu
I	Tuyển dụng (gồm thi tuyển, xét tuyển)		
	- Dưới 100 thí sinh	Đồng/thí sinh/lần	500.000
	- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh	Đồng/thí sinh/lần	400.000
	- Từ 500 thí sinh trở lên	Đồng/thí sinh/lần	300.000

Trên đây là Thông báo tuyển dụng viên chức năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ. Thông báo này được niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ; Cổng thông tin điện tử huyện Cần Giờ; website của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện và thông báo trên phương tiện truyền thông đại chúng của Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông huyện

Cần Giờ. Ủy ban nhân dân huyện đề nghị các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện theo nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Ủy ban nhân dân huyện;
- Văn phòng HĐND và UBND huyện (đang tại);
- Phòng Giáo dục và Đào tạo (dăng tải);
- Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông huyện (thông báo);
- Phòng Nội vụ;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Các đơn vị có nhu cầu tuyển dụng;
- Lưu: VT, NV, MN.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hồng



Phụ lục 1
NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2023
(Đính kèm Thông báo số 3432 TB-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

Số TT	Vị trí cần tuyển dụng	Chỉ tiêu	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP	MÃ CDNN	Yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
A	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	45						
I	Cơ sở giáo dục khác	9						
1	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Cần Giờ	7						
1.1	Giáo viên Hóa học	1	Giáo viên trung học phổ thông hạng III	V.07.05.15	- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Hóa học. - Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành khác phù hợp với môn Hóa học thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học phổ thông theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ¹
1.2	Giáo viên Giáo dục kinh tế và pháp luật	1	Giáo viên trung học phổ thông hạng III	V.07.05.15	- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Giáo dục kinh tế và pháp luật. - Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành khác phù hợp với môn Giáo dục kinh tế và pháp luật thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học phổ thông theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ¹

Số TT	Vị trí cần tuyển dụng	Chỉ tiêu	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP	MÃ CDNN	Yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
1.3	Giáo viên Tiếng Anh	1	Giáo viên trung học phổ thông hạng III	V.07.05.15	- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Tiếng Anh. - Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành khác phù hợp với môn Tiếng Anh thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học phổ thông theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ¹
1.4	Giáo viên Ngữ văn	1	Giáo viên trung học phổ thông hạng III	V.07.05.15	- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Ngữ văn. - Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành khác phù hợp với môn Ngữ văn thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học phổ thông theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ¹
1.5	Giáo viên dạy nghề ngành nông nghiệp	1	Giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III	V.09.02.07	- Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc đại học sư phạm trở lên chuyên ngành phù hợp với ngành, nghề giảng dạy. - Có chứng chỉ sư phạm dạy nghề dạy trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề hoặc chứng chỉ bồi dưỡng sư phạm bậc 2 hoặc chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giáo viên trung cấp chuyên nghiệp hoặc bằng tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành sư phạm hoặc chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ trung cấp hoặc tương đương trở lên.	Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT hoặc tương đương trở lên.	Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT hoặc tương đương trở lên.	Thông tư số 03/2018/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 06 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ²
1.6	Nhân viên giáo vụ	1	Viên chức giáo vụ	V.07.07.21	Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên (hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm giáo vụ).	-	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 22/2022/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ³

Số TT	Vị trí cần tuyển dụng	Chỉ tiêu	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP	MÃ CDNN	Yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
1.7	Thiết bị, thí nghiệm	1	Viên chức thiết bị, thí nghiệm	V.07.07.20	Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành Công nghệ thiết bị trường học (hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm thiết bị, thí nghiệm ở trường trung học).	-	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 21/2022/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁴
2	Trường Chuyên biệt Cần Thạnh	2						
2.1	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	2	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật hạng IV	V.07.06.16	Có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên ngành hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên một trong các ngành: sư phạm, y tế, công tác xã hội, tâm lý và có chứng chỉ nghiệp vụ về hỗ trợ giáo dục người khuyết tật theo chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 (A1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT hoặc tương đương trở lên.	Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT hoặc tương đương trở lên.	Thông tư liên tịch số 19/2016/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ ⁵
II	Khởi mầm non	3						
1	Trường Mầm non Cần Thạnh 2	1						
1.1	Kế toán	1	Kế toán viên trung cấp	06.032	Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính.	-	-	Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính ⁶
2	Trường Mầm non Lý Nhơn	1						
2.1	Kế toán	1	Kế toán viên trung cấp	06.032	Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính	-	-	Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính ⁶
3	Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp	1						

Số TT	Vị trí cần tuyển dụng	Chỉ tiêu	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP	MÃ CDNN	Yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
3.1	Kế toán	1	Kế toán viên	06.031	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính.	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính ^a
III	Khối tiểu học	23						
1	Trường Tiểu học An Nghĩa	1						
1.1	Giáo viên dạy nhiều môn	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷
2	Trường Tiểu học Bình Khánh	3						
2.1	Giáo viên dạy nhiều môn	2	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷
2.2	Công nghệ thông tin	1	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc các ngành gần đào tạo về công nghệ thông tin.	Sử dụng được ngoại ngữ	-	Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông ⁸
			Công nghệ thông tin hạng IV	V.11.06.15	Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc các ngành gần đào tạo về công nghệ thông tin	-	-	
3	Trường Tiểu học Bình Mỹ	2						
3.1	Giáo viên dạy nhiều môn	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷

Số TT	Vị trí cần tuyển dụng	Chi tiêu	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP	MÃ CDNN	Yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
3.2	Giáo viên Âm nhạc	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Âm nhạc. - Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành khác phù hợp với môn Âm nhạc thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷
4	Trường Tiểu học Bình Phước	1						
4.1	Giáo viên Âm nhạc	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Âm nhạc. - Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành khác phù hợp với môn Âm nhạc thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷
5	Trường Tiểu học Bình Thạnh	1						
5.1	Giáo viên Tin học	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Tin học. - Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành khác phù hợp với môn Tin học thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷
6	Trường Tiểu học Cần Thạnh	5						
6.1	Giáo viên dạy nhiều môn	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷
6.2	Giáo viên Mỹ thuật	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Mỹ thuật. - Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành khác phù hợp với môn Mỹ thuật thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷

Số TT	Vị trí cần tuyển dụng	Chỉ tiêu	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP	MÃ CDNN	Yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
6.3	Giáo viên Âm nhạc	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Âm nhạc. - Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành khác phù hợp với môn Âm nhạc thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷
6.4	Giáo viên Tổng phụ trách đội	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học. - Đã được đào tạo nghiệp vụ công tác Đội hoặc bồi dưỡng về nghiệp vụ công tác Đội	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷
6.5	Thư viện	1	Thư viện viên hạng III	V.10.02.06	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành thông tin - thư viện. Trường hợp tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ⁹
			Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành thông tin - thư viện. Trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.	-	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	
7	Trường Tiểu học Cần Thạnh 2	3						
7.1	Giáo viên dạy nhiều môn	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷

Số TT	Vị trí cần tuyển dụng	Chỉ tiêu	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP	MÃ CDNN	Yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
7.2	Giáo viên Tin học	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Tin học. - Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành khác phù hợp với môn Tin học thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷
7.3	Kế toán	1	Kế toán viên trung cấp	06.032	Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính.	-	-	Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính ⁶
8	Trường Tiểu học Dơi Lầu	1						
9.1	Giáo viên dạy nhiều môn	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷
9	Trường Tiểu học Hòa Hiệp	1						
8.1	Giáo viên Âm nhạc	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Âm nhạc. - Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành khác phù hợp với môn Âm nhạc thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷
10	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	2						
10.1	Giáo viên dạy nhiều môn	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷

Số TT	Vị trí cần tuyển dụng	Chỉ tiêu	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP	MÃ CDNN	Yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
10.2	Giáo viên Tin học	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Tin học. - Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành khác phù hợp với môn Tin học thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷
11	Trường Tiểu học Thạnh An	3						
12.1	Giáo viên dạy nhiều môn	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷
12.2	Giáo viên Tiếng Anh	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Tiếng Anh. - Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành khác phù hợp với môn Tiếng Anh thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷
12.3	Giáo viên Mỹ thuật	1	Giáo viên tiểu học hạng III	V.07.03.29	- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Mỹ thuật. - Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành khác phù hợp với môn Mỹ thuật thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁷
IV	Khối trung học cơ sở	10						
1	Trường THCS Cần Thạnh	3						
1.1	Giáo viên Tin học	1	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Tin học. - Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành khác phù hợp với môn Tin học thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ¹⁰

Số TT	Vị trí cần tuyển dụng	Chỉ tiêu	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP	MÃ CDNN	Yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
1.2	Kế toán	1	Kế toán viên trung cấp	06.032	Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính	-	-	Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính ⁹
1.3	Thiết bị, thí nghiệm	1	Viên chức thiết bị, thí nghiệm	V.07.07.20	Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành Công nghệ thiết bị trường học (hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm thiết bị, thí nghiệm ở trường trung học).	-	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 21/2022/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁴
2	Trường THCS Doi Lâu	1						
2.1	Thiết bị, thí nghiệm	1	Viên chức thiết bị, thí nghiệm	V.07.07.20	Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành Công nghệ thiết bị trường học (hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm thiết bị, thí nghiệm ở trường trung học).	-	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 21/2022/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁴
3	Trường THCS Long Hòa	3						
3.1	Giáo viên Tiếng Anh	1	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Tiếng Anh. - Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành khác phù hợp với môn Tiếng Anh thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ¹⁰
3.2	Kế toán	1	Kế toán viên trung cấp	06.032	Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính	-	-	Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính ⁹
3.3	Thiết bị, thí nghiệm	1	Viên chức thiết bị, thí nghiệm	V.07.07.20	Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành Công nghệ thiết bị trường học (hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm thiết bị, thí nghiệm ở trường trung học).	-	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 21/2022/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁴
4	Trường THCS Lý Nhơn	2						

Số TT	Vị trí cần tuyển dụng	Chỉ tiêu	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP	MÃ CDNN	Yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
4.1	Giáo viên Tin học	1	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.32	- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn Tin học. - Trường hợp có bằng cử nhân chuyên ngành khác phù hợp với môn Tin học thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ⁹
4.2	Thư viện	1	Thư viện viên hạng III	V.10.02.06	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành thông tin - thư viện. Trường hợp tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ⁹
			Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành thông tin - thư viện. Trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.	-	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	
5	<i>Trường THCS Tam Thôn Hiệp</i>	1						
5.1	Thư viện	1	Thư viện viên hạng III	V.10.02.06	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành thông tin - thư viện. Trường hợp tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ⁹
			Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành thông tin - thư viện. Trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.	-	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin	

Số TT	Vị trí cần tuyển dụng	Chỉ tiêu	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP	MÃ CDNN	Yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
B	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Y TẾ	54						
I	Trung tâm Y tế huyện Cần Giờ	54						
1	Bác sĩ	41	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Tốt nghiệp bác sĩ nhóm ngành Y học (trừ ngành Y học dự phòng)	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ ¹¹ ; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ Y tế ¹²
2	Bác sĩ Y học dự phòng	1	Bác sĩ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	Tốt nghiệp bác sĩ chuyên ngành Y học dự phòng	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ ¹¹ ; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ Y tế ¹²
3	Y tế công cộng	1	Y tế công cộng (hạng III)	V.08.04.10	Tốt nghiệp đại học nhóm ngành Y tế công cộng; đại học nhóm ngành Quản lý y tế	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	Thông tư liên tịch số 11/2015 TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ ¹³ ; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ Y tế ¹²
4	Kỹ thuật y	2	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành Kỹ thuật hình ảnh, Vật lý trị liệu, Phục hồi chức năng.	-	-	Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ ¹⁴ ; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ Y tế ¹²
5	Hộ sinh	5	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Tốt nghiệp cao đẳng Hộ sinh trở lên	-	-	Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ ¹⁴ ; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ Y tế ¹²

Số TT	Vị trí cần tuyển dụng	Chỉ tiêu	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP	MÃ CDNN	Yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
6	Điều dưỡng	4	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Tốt nghiệp cao đẳng Điều dưỡng trở lên.	-	-	Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ ¹¹ ; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ Y tế ¹²
C	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THỂ THAO	12						
I	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và truyền thông huyện Cần Giờ	12						
1	Phòng viên	2	Phóng viên hạng III	V.11.02.06	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành báo chí. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học khác ngành báo chí thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng về nghiệp vụ báo chí do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp ngành báo chí.	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT ngày 26/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông ¹³
2	Tổ chức sự kiện (âm thanh)	2	Âm thanh viên hạng IV	V.11.09.26	Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành âm thanh; công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông.	-	-	Thông tư số 07/2022 TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông ¹⁴
3	Chuyên trách Văn hóa - Thể thao xã	3	Hướng dẫn viên văn hóa hạng III	V.10.07.23	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực văn hóa cơ sở.	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07/7/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ¹⁵
4	Công nghệ thông tin	2	Công nghệ thông tin hạng III	V. 11.06.14	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc các ngành gần đào tạo về công nghệ thông tin.	Sử dụng được ngoại ngữ	-	Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông ¹⁶
			Công nghệ thông tin hạng IV	V. 11.06.15	Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc các ngành gần đào tạo về công nghệ thông tin.	-	-	
5	Nghệ vụ thể thao cộng đồng	3	Huấn luyện viên (hạng III)	V.10.01.03	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực thể dục thể thao.	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	Thông tư số 07/2022/TT-BVHTTDL ngày 25/10/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ¹⁸

Số TT	Vị trí cần tuyển dụng	Chỉ tiêu	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP	MÃ CDNN	Yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
D	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KHÁC	9						
I	Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Cần Giờ	8						
1	Quản lý, bảo vệ rừng	3	Quản lý bảo vệ rừng viên (hạng III)	V.03.10.29	Tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành Lâm nghiệp, Môi trường, Luật, Thủy sản.	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	Thông tư số 18/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ¹⁸
2	Du lịch sinh thái	2	Quản lý bảo vệ rừng viên (hạng III)	V.03.10.29	Tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành Du lịch	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	Thông tư số 18/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ¹⁹
3	Kế hoạch	1	Chuyên viên	01.003	Tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành Kế toán	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	Thông tư số 2/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ; Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ Nội vụ ²⁰
4	Tổ chức - Hành chính	2	Chuyên viên	01.003	Tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành Lâm nghiệp, Quản trị hành chính, Luật.	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	Thông tư số 2/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ; Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ Nội vụ ²⁰

Số TT	Vị trí cần tuyển dụng	Chỉ tiêu	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP	MÃ CDNN	Yêu cầu về trình độ đào tạo, bồi dưỡng			Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	
II	Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng huyện Cần Giờ	1						
1	Kiểm kê và lập hồ sơ bồi thường	1	Chuyên viên	01.003	Tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành Quản lý đất đai, Kinh tế, Luật.	Sử dụng được ngoại ngữ	Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	Thông tư số 2/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ; Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ Nội vụ
TỔNG CỘNG		120						

*** Chú thích:**

¹ Thông tư 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học phổ thông công lập.

² Thông tư số 03/2018/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 06 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp.

³ Thông tư số 22/2022/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương viên chức giao vụ trong trường phổ thông dân tộc nội trú, trường trung học phổ thông chuyên; trường dự bị đại học và trường dành cho người khuyết tật công lập.

⁴ Thông tư số 21/2022/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương viên chức thiết bị, thí nghiệm trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trường chuyên biệt công lập.

⁵ Thông tư liên tịch số 19/2016/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 22 tháng 4 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục công lập.

⁶ Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ.

⁷ Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập.

⁸ Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin.

⁹ Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin.

¹⁰ Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập.

¹¹ Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27 tháng 5 năm 2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ. Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.

¹² Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.

¹³ Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp y tế công cộng.

¹⁴ Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.

¹⁵ Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT ngày 26/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức biên tập viên, phòng viên, biên dịch viên và đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông.

¹⁶ Thông tư số 07/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2017/TT-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim thuộc chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.

¹⁷ Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07/7/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở.

¹⁸ Thông tư số 07/2022/TT-BVHTTDL ngày 25/10/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thể dục thể thao.

¹⁹ Thông tư số 18/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành khuyến nông, chuyên ngành quản lý bao vệ rừng. Thông tư số 07/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư. Thông tư liên tịch quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

²⁰ Thông tư số 2/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư. Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ Nội vụ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư.

Phụ lục 2

HƯỚNG DẪN QUY ĐỔI CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ VÀ TIN HỌC

(Đính kèm Thông báo số 3432 /TB-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

1. VỊ TRÍ ÁP DỤNG

Hướng dẫn quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ và tin học tại phụ lục này áp dụng đối với thí sinh dự tuyển tại vị trí Giáo viên dạy nghề ngành nông nghiệp và vị trí Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật.

2. QUY ĐỔI CHỨNG CHỈ TIN HỌC

Căn cứ Công văn số 2819/BTTTT-CNTT ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công nhận bài thi tin học văn phòng quốc tế phù hợp yêu cầu của Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT công nhận “*Bài thi sử dụng máy tính và internet cơ bản IC3 công nhận đáp ứng yêu cầu của chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản (06 mô đun)*”.

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDDT-BTTTT ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/8/2016 quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin quy định: “*Các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản*”.

Căn cứ Công văn số 6078/BGDDT-GDTEX ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường quản lý trong việc tổ chức thi, cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDDT-BTTTT quy định: “*Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ dừng việc cấp phôi chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C từ ngày 15 tháng 12 năm 2016 và các khóa đào tạo được tổ chức trước ngày 10/8/2016 (thời điểm Thông tư 17 có hiệu lực thi hành) cần nhanh chóng kết thúc chương trình đào tạo, tổ chức thi, cấp chứng chỉ cho học viên, đảm bảo quyền lợi của người học*”. Như vậy, **chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C được cấp sau ngày 15 tháng 12 năm 2016 thì không được công nhận.**

Căn cứ Quyết định số 111/QĐ-BTTTT ngày 21 tháng 01 năm 2020 (có hiệu lực 03 năm) của Bộ Thông tin và truyền thông công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản quy định: “*Công nhận Chứng chỉ ICDL Profile Certificate của tổ chức ECDL/ICDL Foundation (gồm 05 mô-đun Computer Essentials, Online Essentials, Word Processing, Spreadsheets, Presentation) đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014*”.

* Lưu ý:

Chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin (cơ bản hoặc nâng cao) phải được cấp bởi các cơ sở đào tạo theo danh sách Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận, cụ thể:

- Từ ngày 20 tháng 5 năm 2019: chỉ công nhận chứng chỉ được cấp bởi cơ sở đào tạo theo Thông báo số 538/QLCL-QLVBCC ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Từ ngày 08 tháng 5 năm 2020: chỉ công nhận chứng chỉ được cấp bởi cơ sở đào tạo theo Thông báo số 691/QLCL-QLVBCC ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Từ ngày 08 tháng 2 năm 2021 đến nay: chỉ công nhận chứng chỉ được cấp bởi cơ sở đào tạo theo Thông báo số 138/QLCL-QLVBCC ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ Công văn số 1415/QLCL-QLVBCC ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức sát hạch, cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin: *“Từ ngày 28 tháng 8 năm 2020, công nhận chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin (cơ bản và nâng cao) do Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh cấp theo Công văn số 1415/QLCL-QLVBCC”*. Theo đó, từ ngày 28 tháng 8 năm 2020, công nhận chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin (cơ bản và nâng cao) do Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh cấp theo Công văn số 1415/QLCL-QLVBCC.

3. QUY ĐỊNH CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ

3.1. Đối với các chứng chỉ Tiếng Anh

- Căn cứ Quyết định số 177/QĐ-TCCB ngày 30 tháng 01 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình tiếng Anh thực hành A, B, C;

- Căn cứ Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 12 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chương trình Giáo dục thường xuyên về Tiếng Anh thực hành;

- Căn cứ theo quy định của Cambridge từ tháng 11 năm 2011;

- Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Căn cứ Công văn số 6089/BGDĐT-GDĐT ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về phúc đáp Công văn số 4453/BNV-CCVC; Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học;

- Căn cứ Công văn số 3619/GDĐT-TiH ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chuẩn năng lực các cấp độ của bài thi PTE Young Learners và PTE General.

Việc quy đổi chứng chỉ Tiếng Anh thực hiện như sau:

Khung NLNN 6 bậc VN (TT 01/2014 /TT-BDGD T	Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tương đương của Tiếng Anh									
	CC Tiếng Anh theo QĐ 177	CC Tiếng Anh theo QĐ 66	Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR)	TOEFL PBT/ITP	TOEFL CBT	TOEFL iBT	TOEIC 2 kỹ năng Listening & Reading	TOEIC 4 kỹ năng		
								Listening & Reading	Speaking	Writing
Bậc 1	Trình độ A	Trình độ A1	A1				120	120-220	50	30
Bậc 2	Trình độ B	Trình độ A2	A2	360-449		30	225	225-445	70-90	50-70
Bậc 3	Trình độ C	Trình độ B1	B1	450-499	133	31-45	450	450-595	100-130	90-120
Bậc 4		Trình độ B2	B2	500-589	173	46-93	600	600-845	140-160	130-150
Bậc 5		Trình độ C1	C1	590-649		94-109	850	850-940	170-180	160-180
Bậc 6		Trình độ C2	C2	650-677		110-120		945-990	190	190

Khung NLNN 6 bậc VN (TT 01/2014/TT-BDGD T	Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tương đương của Tiếng Anh (tt)				
	Cambridge English	IELTS	BEC	BULATS	PTE General
Bậc 1					246
Bậc 2	KET	4		20	381
Bậc 3	PET	4.5-5	Business Preliminary	40	450
Bậc 4	PCE	5.5-6.5	Business Vantage	60	600
Bậc 5	CAE	7-7.5	Business Higher	75	850
Bậc 6	CPE	8-9		90	910

(Điểm số trên là điểm tối thiểu đạt được ở mỗi trình độ).

3.2. Đối với chứng chỉ ngoại ngữ khác

- Chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc trình độ A hoặc trình độ A1 được sử dụng tương đương bậc 1 khu năng lực ngoại ngữ Việt Nam.
- Chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc trình độ B hoặc trình độ B1 được sử dụng tương đương bậc 2 khu năng lực ngoại ngữ Việt Nam.
- Việc quy đổi các chứng chỉ khác thực hiện như sau:

Khung NLNN 6 bậc	Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR)	Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tương đương (Ngoại ngữ khác)					
		Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn
Bậc 1	A1	TEU	DELTA A1	A1	HSK cấp 1	JLPT N5	Topik I-L1
Bậc 2	A2	TBU	DELTA A2	A2	HSK cấp 2	JLPT N4	Topik I-L2
Bậc 3	B1	TRKI 1	DELTA B1	B1 ZD	HSK cấp 3	JN3	Topik II-L3
Bậc 4	B2	TRKI 2	DELTA B2	B2 test DaF level 4	HSK cấp 4		Topik II-L4

*** Lưu ý:**

a) Các chứng chỉ ngoại ngữ ngoại ngữ trình độ A, B, C phải được cấp trước ngày **15 tháng 01 năm 2020**¹.

b) Các chứng chỉ ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam² phải được cấp bởi các cơ sở đào tạo theo danh sách Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận, cụ thể:

- Từ ngày 20 tháng 5 năm 2019: chỉ công nhận chứng chỉ được cấp bởi cơ sở đào tạo theo Thông báo số 538/QLCL-QLVBCC ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Từ ngày 08 tháng 5 năm 2020: chỉ công nhận chứng chỉ được cấp bởi cơ sở đào tạo theo Thông báo số 691/QLCL-QLVBCC ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Căn cứ Công văn số 3465/BGDDT-QLCL ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam: *"Từ ngày 08 tháng 9 năm 2020: công nhận chứng chỉ ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Trường Đại học Quy Nhơn cấp theo Công văn số 3465/BGDDT-QLCL"*. Theo đó từ ngày 08 tháng 9 năm 2020, công nhận chứng chỉ ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Trường Đại học Quy Nhơn cấp theo Công văn số 3465/BGDDT-QLCL.

- Từ ngày 08 tháng 02 năm 2021 đến nay: chỉ công nhận chứng chỉ được cấp bởi cơ sở đào tạo theo Thông báo số 138/QLCL-QLVBCC ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

¹ Thông tư số 20/2019/TT-BGDDT ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo bãi bỏ các quy định về kiểm tra và cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo chương trình giáo dục thường xuyên tại Quyết định số 30/2008/QĐ-BGDDT ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2020.

² Theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDDT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

(Dán ảnh 4x6)

Vị trí dự tuyển ⁽¹⁾:

Đơn vị dự tuyển ⁽²⁾:

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh: Nam ⁽³⁾ ☐ Nữ ☐

Dân tộc: Tôn giáo:.....

Số CMND hoặc Thẻ căn cước công dân:.....

Ngày cấp: Nơi cấp:

Số điện thoại di động để báo tin:

Email:.....

Quê quán:

Hộ khẩu thường trú:

.....
.....

Chỗ ở hiện nay (để báo tin):.....

.....

Tình trạng sức khỏe:, Chiều cao:, Cân nặng: kg

Thành phần bản thân hiện nay:

Trình độ văn hóa:

Trình độ chuyên môn:

II. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ GIA ĐÌNH

Mối quan hệ ⁽⁴⁾	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội

III. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngày, tháng, năm cấp văn bằng, chứng chỉ	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Số hiệu của văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ

IV. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC (nếu có)

Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác

V. MIỄN THI NGOẠI NGỮ, TIN HỌC

Miễn thi ngoại ngữ do:

Miễn thi tin học do:

VI. ĐĂNG KÝ DỰ THI MÔN NGOẠI NGỮ

Đăng ký dự thi ngoại ngữ:

VII. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN (nếu có)

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên của tôi là đúng sự thật. Sau khi nhận được thông báo trúng tuyển tôi sẽ hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu sai sự thật thì kết quả tuyển dụng của tôi sẽ bị cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng hủy bỏ, tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết không đăng ký tham gia kỳ tuyển dụng kế tiếp tại cơ quan tuyển dụng./.

NGƯỜI VIẾT PHIẾU

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

1. Ghi đúng vị trí việc làm đăng ký dự tuyển;
2. Ghi đúng tên cơ quan, tổ chức, đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng;
3. Người viết phiếu tích dấu X vào ô tương ứng ô Nam, Nữ.
4. Mỗi quan hệ: cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người dự tuyển; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người dự tuyển; cha, mẹ, anh, chị, em ruột bên vợ (chồng) của người dự tuyển.